

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC HUẾ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 1408 /QĐ-DHH

Thừa Thiên Huế, ngày 22 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành bổ sung danh mục ngành đúng, phù hợp; ngành gần; ngành khác và các môn học bổ túc kiến thức trong các kỳ thi tuyển sinh cao học

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Nghị định số 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-HDDH ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ; Căn cứ Quyết định số 2070/QĐ-DHH ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ tại Đại học Huế;

Theo đề nghị của Trường Ban Đào tạo và Công tác sinh viên Đại học Huế,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Bổ sung một số ngành đúng, phù hợp; ngành gần; ngành khác và các môn học bổ túc kiến thức vào Danh mục các ngành đúng, phù hợp; ngành gần; ngành khác và các môn học bổ túc kiến thức trong tuyển sinh cao học tại Đại học Huế được ban hành kèm theo Quyết định số 1710/QĐ-DHH ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế (Có danh mục bổ sung kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trường các Ban: Đào tạo và Công tác sinh viên, Thanh tra và Pháp chế; Hiệu trưởng các Trường: Đại học Khoa học, Đại học Sư phạm, Đại học Nông Lâm, Đại học Luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phó GD Huỳnh Văn Chương;
- Lưu: VT, ĐTCTSV.NDP.



Nguyễn Quang Linh

DANH MỤC (BỔ SUNG) CÁC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP; NGÀNH GẦN; NGÀNH KHÁC VÀ CÁC MÔN HỌC BỔ TÚC KIẾN THỨC TRONG TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ TẠI ĐẠI HỌC HUẾ

(Kèm theo Quyết định số 1408/QĐ-ĐHH ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Giám đốc Đại học Huế)

I. TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Ngành	Ngành đúng, phù hợp	Ngành gần	Ngành khác	Các môn BTKT	Số tín chỉ BTKT	Ghi chú
Hóa học	1. Cừ nhân hóa học	1. Công nghệ sinh học		1. Hóa học Phân tích	2	
	2. Kỹ sư hóa học	2. Kỹ thuật dệt		2. Hóa học Vô cơ	2	
	3. Công nghệ kỹ thuật hóa học	3. Bảo quản và chế biến nông sản		3. Hóa học Hữu cơ	2	
	4. Su phạm Hóa học	4. Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm				
	5. Hóa silicate	5. Công nghệ sau thu hoạch				
	6. Hóa dược	6. Công nghệ chế biến thủy sản				
	7. Dược sĩ đại học	7. Công nghệ sợi, dệt				
	8. Hóa thực phẩm	8. Công nghệ vật liệu dệt, may				
	9. Công nghệ thực phẩm					
	10. Kỹ thuật thực phẩm					
	11. Công nghệ vật liệu					
	12. Kỹ thuật vật liệu					
	13. Kỹ thuật vật liệu kim loại					
	14. Khoa học vật liệu					
	15. Công nghệ kỹ thuật môi trường					
	16. Công nghệ môi trường					
	17. Khoa học môi trường					
	18. Kỹ thuật môi trường					
	19. Công nghệ kỹ thuật hạt nhân					
	20. Công nghệ dầu khí và khai thác					



Ngành	Ngành đúng, phù hợp	Ngành gần	Ngành khác	Các môn BTKT	Số tín chỉ BTKT	Ghi chú
Triết học			Các ngành Khoa học tự nhiên (có bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị trở lên)	Theo quyết định số 1710 /QĐ-ĐHH ngày 25/12/2019 của Giám đốc ĐHH. (Có bằng Cao cấp lý luận chính trị thi học BTKT 5/7 học phần, Trung cấp lý luận chính trị thi học BTKT 7/7 học phần)		
Vật lý chất rắn	1. Sư phạm vật lý tin học					
Toán học	1. Toán học 2. Toán ứng dụng 3. Toán tin 4. Sư phạm Toán học	1. Công nghệ thông tin 2. Vật lý 3. Điện tử viễn thông 4. Hóa học		1. Đại số đại cương 2. Hàm thực 3. Xác suất cơ sở 4. Giải tích cổ điển (chọn 2/4 học phần)	2 2 2 2	
Lịch sử Việt Nam		1. Giáo dục chính trị		Theo quyết định số 1710 /QĐ-ĐHH ngày 25/12/2019 của Giám đốc ĐHH.		
Sinh học	1. Sinh học 2. Sư phạm Sinh 3. Sinh - môi trường	1. Công nghệ sinh học 2. Kỹ thuật sinh học 3. Sinh học ứng dụng 4. Khoa học Môi trường 5. Công nghệ môi trường 6. Kỹ thuật môi trường 7. Công nghiệp thực phẩm 8. Kỹ thuật Y sinh 9. Y tế dự phòng 10. Nông nghiệp 11. Lâm nghiệp 12. Kỹ thuật nông nghiệp, lâm nghiệp	1. Y tế công cộng 2. Điều dưỡng 3. Sức khỏe tâm thần 4. Phục hồi chức năng 5. Tổ chức và quản lý y tế 6. Quản lý bệnh viện 7. Quản lý dự án 8. Phát triển nông thôn	1. Tế bào học 2. Thực vật học 3. Di truyền học 4. Sinh thái học 5. Sinh học phân tử 6. Sinh lý học người và động vật * Đối với ngành gần: chọn 2/6 học phần. * Đối với ngành khác: chọn 3/6 học phần.	3 3 3 3 3 3	

Ngành	Ngành đúng, phù hợp	Ngành gần	Ngành khác	Các môn BTKT	Số tín chỉ BTKT	Ghi chú
		13. Kỹ thuật nông lâm 14. Bảo vệ thực vật 15. Chăn nuôi 16. Trồng trọt 17. Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp 18. Chế biến thủy sản				
Văn học	1. Văn học 2. Sư phạm Ngữ văn	1. Ngôn ngữ học 2. Hán Nôm 3. Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam 4. Báo chí 5. Văn hóa học 6. Truyền thông đa phương tiện 7. Truyền thông đại chúng 8. Việt Nam học		1. Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại 2. Truyện ngắn Việt Nam hiện đại 3. Phương pháp luận nghiên cứu văn học 4. Văn học trung đại Việt Nam * Đối với ngành gần: chọn 2/4 học phần.	2 2 2 2	



II. TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Quản lý đất đai		1. Kỹ thuật Địa vật lý 2. Quản lý biển		Theo quyết định số 1710 /QĐ-ĐHH ngày 25/12/2019 của Giám đốc ĐHH.		
Lâm học		Công nghệ kỹ thuật môi trường				

III. TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

Luật kinh tế			Các ngành không nằm trong Danh mục ngành đúng/phù hợp, ngành gần và khác diện hành của Đại học Huế	1. Lý luận Nhà nước và Pháp luật. 2. Luật thương mại. 3. Luật dân sự. 4. Luật cạnh tranh. 5. Pháp luật sở hữu trí tuệ. 6. Tư pháp quốc tế.	4 4 4 3 3 3	
--------------	--	--	--	---	--	--

Ngành	Ngành đúng, phù hợp	Ngành gần	Ngành khác	Các môn BTKT	Số tín chỉ BTKT	Ghi chú
				7. Luật hành chính. 8. Luật thương mại quốc tế 9. Luật tố tụng dân sự	3 3 3	

IV. TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Tâm lý học	1. Tâm lý học trường học (Tâm lý học đường) 2. Tâm lý học lâm sàng	1. Công tác xã hội 2. Xã hội học 3. Giáo dục đặc biệt 4. Giáo dục tiểu học 5. Giáo dục mầm non 6. Nhân học 7. Sư phạm mầm non 8. Y tế công cộng 9. Quản lý giáo dục 10. Các ngành thuộc khối sư phạm	Các ngành đào tạo giáo viên thuộc danh mục giáo dục cấp IV trình độ đại học không nằm trong danh mục ngành đúng/phù hợp; ngành gần và phải đang công tác trong lĩnh vực liên quan đến khoa học tâm lý (có xác nhận của cơ quan công tác)	* <i>Ngành gần:</i> 1. Lịch sử Tâm lý học 2. Tâm bệnh học * <i>Ngành khác:</i> 1. Lịch sử Tâm lý học 2. Tâm lý học đại cương 3. Tâm lý học phát triển 4. Tâm bệnh học	3 3 3 3 3 3	<i>Các môn bổ túc kiến thức ngành gần và khác này thay thế cho các môn đã quy định trong danh mục ngành đúng/phù hợp, ngành gần và khác được ban hành theo quyết định số 1710/QĐ-ĐHH ngày 25/12/2019 của GD ĐHH</i>
Giáo dục học	1. Giáo dục Tiểu học 2. SP Giáo dục Tiểu học 3. Giáo dục Tiểu học đặc biệt 4. Giáo dục Mầm non 5. Sư phạm Mầm non 6. Sư phạm Mẫu giáo 7. Giáo dục đặc biệt 8. SP Giáo dục đặc biệt 9. Giáo dục chính trị 10. Giáo dục công dân 11. Giáo dục pháp luật 12. Tâm lý học 13. Tâm lý - Giáo dục 14. Giáo dục học					